

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP - QH2022

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2022 HỌC KỲ 7  Định hướng Biên Phiên	FRE3034	Phiên dịch	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8  Định hướng Biên Phiên	FRE3019	Biên dịch nâng cao	3	3
	FRE3032	Lý thuyết dịch	3	3		FRE4001	Thực tập	3	3
		<b>Tự chọn khối V.1.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9		FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc Môn thay thế KL tốt nghiệp	6	6
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3			<b>Tự chọn khối V.1.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3025	Kỹ năng nghiệp vụ biên dịch	3	3		FRE3033	Phân tích đánh giá bản dịch (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3036	Phiên dịch nâng cao	3	3		FRE3018	Biên dịch chuyên ngành(Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành	3	3		FRE3040	Thuật ngữ học	3	3
	FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3		FRE3051	Giao tiếp lễ tân ngoại giao	3	3
	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính-ngân hàng	3	3		FRE3044	Tiếng Pháp hành chính -văn phòng	3	3
	FRE3027	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3		FRE3041	Tiếng Pháp du lịch-khách sạn	3	3
	FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3		FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
		<b>Tự chọn IV.2.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)				FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3		FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3		ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
				ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3		
QH.2022 HỌC KỲ 7  Định hướng Du lịch	FRE3058	Hướng dẫn du lịch	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8  Định hướng Du lịch	FRE3027	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3
	FRE3022	Địa lý văn hóa du lịch tiếng Pháp	3	3		FRE4001	Thực tập	3	3
		<b>Tự chọn khối V.2.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9		FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	6
	FRE3029	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3			<b>Tự chọn khối V.2.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính – văn phòng	3	3		FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3		FRE3018	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3020	Quản trị dự án	3	3		FRE3051	Giao tiếp lễ tân ngoại giao (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3		FRE3034	Phiên dịch (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3		FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3
		<b>Tự chọn IV.2.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)				FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3		
ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3		
				FRE3017	Biên dịch	3	3		
QH.2022 HỌC KỲ 7  Định hướng Kinh tế	FRE3028	Kinh tế Pháp đương đại	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8  Định hướng Kinh tế	FRE3020	Quản trị dự án	3	3
	FRE3047	Tiếng Pháp Luật	3	3		FRE4001	Thực tập	3	3
		<b>Tự chọn khối V.3.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9		FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	6
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính – văn phòng	3	3			<b>Tự chọn khối V.3.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3046	Tiếng Pháp kinh tế nâng cao	3	3		FRE3027	Quản trị kinh doanh lễ hành (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3029	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3		FRE3034	Phiên dịch (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính - ngân hàng	3	3		FRE3017	Biên dịch	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3		FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3
		<b>Tự chọn IV.2.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)				FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3		FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3
ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3		
				ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3		
QH.2022 HỌC KỲ 7  Định hướng Truyền thông	FRE3063	Truyền thông marketing	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8  Định hướng Truyền thông	FRE3064	Thiết kế sản phẩm truyền thông	3	3
		<b>Tự chọn khối V.4.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9		FRE3065	Văn hóa và Truyền thông	3	3
	FRE3066	Xây dựng kế hoạch truyền thông	3	3		FRE4001	Thực tập	3	3
	FRE3067	Truyền thông đa phương tiện	3	3		FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	6
	FRE3068	Truyền thông sự kiện	3	3			<b>Tự chọn khối V.4.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3		FRE3070	Quan hệ công chúng (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3020	Quản trị dự án	3	3		FRE3034	Phiên dịch (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3		FRE3017	Biên dịch	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính – văn phòng	3	3		FRE3069	Nghệ thuật kể chuyện	3	3
	FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3		FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
		<b>Tự chọn IV.2.2</b> (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)				FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3		ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3		

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TRƯỜNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP - QH2023

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3		FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3038	Phương pháp tư liệu chuyên đề	3	3		FRE3017	Biên dịch	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		<b>Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</b>	6	6			<b>Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)</b>	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		<b>FRE2056</b>	<b>Đất nước học Pháp</b>	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3						
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3		FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3053	Nhập môn khoa học du lịch	3	3		FRE3041	Tiếng Pháp du lịch – khách sạn	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		<b>Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</b>	6	6			<b>Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)</b>	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		<b>FRE2056</b>	<b>Đất nước học Pháp</b>	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3						
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3		FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3		FRE3059	Kinh tế Cộng đồng Pháp ngữ	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		<b>Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</b>	6	6			<b>Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)</b>	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		<b>FRE2056</b>	<b>Đất nước học Pháp</b>	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3						
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3		FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3061	Lý thuyết truyền thông	3	3		FRE3062	Truyền thông doanh nghiệp	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		<b>Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</b>	6	6			<b>Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)</b>	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		<b>FRE2056</b>	<b>Đất nước học Pháp</b>	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3						

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng Pháp bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2025 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2024 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FRE2092	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FRE2093	Các loại hình văn bản tiếng Pháp	3	6		FRE2094	Tiếng Pháp giao tiếp đa phương tiện	3	6
	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	0	3		FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	6
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3
								(Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh